TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Tuyết Minh** và ông **Nguyễn Hữu Phúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thanh Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lại Thị H** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị H** – sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp 9, xã P, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành N** – sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp 9, xã P, tỉnh Đồng Nai

(Bà Hiền, ông N vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2025 và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H, ông N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú (nay là xã P), tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 183/2009 ngày 29/10/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên cờ bạc, bà H khuyên can thì ông N đập phá tài sản của gia đình, đánh đập bà H. Bà H và ông N đã không còn sống chung từ năm 2023 đến nay. Mặc dù gia đình hai bên đã hoà giải nhưng bà H nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Nam.

-Về con chung: Bà H, ông N cĩ 02 con chung là Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 13/07/2001; Nguyễn Hoàng Minh Th – sinh ngày 27/8/2010. Khi ly hôn bà

H tự nguyện giao cháu Thư cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thư số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Mặt khác, hiện tại cháu Thư đang học tập và sinh sống ổn định cùng với ông Nam. Bà H hiện tại đang đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, không có nơi cư trú ổn định để tạo điều kiện cho cháu Thư ổn định học tập và sinh sống. Đối với con chung Nguyễn Thành Đ đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn tại bản tự như sau**:***

- Về hôn nhân: Ông Nam, bà H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú (nay là xã Tân Phú), tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 183/2009 ngày 29/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2023 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 06/2023 bà H đã bỏ đi làm xa không về và vợ chồng không còn liên lạc với nhau đến nay. Nay ông N vẫn còn muốn hàn gắn lại với bà H nên bà H yêu cầu ly hôn với ông N thì ông N không đồng ý.

- Về con chung: Ông Nam, bà H cĩ 02 con chung là Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 13/07/2001; Nguyễn Hoàng Minh Th - sinh ngày 27/8/2010. Trường hợp ly hôn thì ông N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thư; không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Thư đang sinh sống cùng ông Nam. Ông N làm thuê thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thành Đ đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

-Về tài sản: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:**

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Hiền, cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thành Nam.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Minh Th – sinh ngày

27/8/2010 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thư số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn ông Nguyễn Thành N cư trú tại xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu khởi kiện ly hôn tranh chấp nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Bà Lê Thị H là nguyên đơn; ông Nguyễn Thành N là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự; bà Hiền, ông N vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: Bà Hiền, ông N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú (nay là xã Tân Phú), tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 183/2009 ngày 29/10/2009. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Hiền, ông N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông N không đồng ý ly hôn với bà Hiền. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên cơ bạc, không chăm lo cho gia đình, đánh đập bà H nên dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2023 đến nay bà H và ông N đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Từ những lý do nêu trên, xác định được bà H, ông N trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy từ khi

bà Hiền, ông N không còn sống chung thì cháu Th do ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra, cháu Th có nguyện vọng được sống cùng với ông N. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Th - sinh ngày 27/8/2010 cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thư số tiền 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 02/2026 đến khi cháu Thư trưởng thành nên ghi nhận, ông N không có ý kiến gì khác. Bà H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Nguyễn Thành Đ đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5.3] Về tài sản: Không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5.4] Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 85, 91, 92, 93 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hiền. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Th – sinh ngày 27/8/2010 cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thư số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Bà H có quyền, nghĩa vụ trong việc đi lại thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này. Vì quyền và lợi ích của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Nguyễn Thành Đ đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết

- Về tài sản: Không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0006671 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tuấn